TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS - ST
Ngày: 24/5/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh T.

2. Ông Nguyễn Hoàng T1.

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST – DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hiệu Hoàng L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp Rạch Rắn, xã Long Điền, huyện Đông H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công C, sinh năm 1973;

Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: (không có số nhà) thuộc ấp R, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

(Anh L, anh C có mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng anh Hiệu Hoàng L trình bày:

Vào ngày 30/01/2017 âm lịch anh có cho anh C vay số tiền 10.000.000đ. Ngày 20/6/2017 âm lịch cho chị T vay số tiền 57.690.000đ. Khi vay chị T có viết biên nhận cho anh, anh đã cung cấp cho Tòa án, anh C không có viết biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Anh là người trực tiếp giao dịch với anh C và chị T. Từ khi vay đến nay anh C trả lãi cho anh được số tiền 6.000.000đ, chị T không trả lãi cho anh.

Nay anh yêu cầu anh C, chị T giao trả cho anh số tiền 67.690.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2018 anh Nguyễn Công C trình bày: Vào ngày 20/02/2016 âm lịch, anh có vay của anh L số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Khi vay không có làm giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng. Từ khi vay tiền đến nay anh có trả lãi cho anh L được số tiền 12.000.000đ, khi trả lãi anh trực tiếp giao cho anh L, không có làm giấy tờ gì. Anh xác định anh còn nợ anh L số tiền vốn vay 10.000.000đ và tiền lãi anh yêu cầu Tòa án tính lại theo quy định của pháp luật. Anh xác định mục đích anh vay tiền của anh L là vay dùm cho người khác, không phục vụ trong gia đình.

Đối với số tiền nợ chị T hỏi vay của anh L thì anh không biết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2018 chị Huỳnh Thị T trình bày: Chị có nợ của anh L số tiền 57.690.000đ. Tuy nhiên, đây là tiền chị mua số đề từ anh L chứ không phải tiền vay. Sau đó anh L yêu cầu chị trả lãi suất 10%/tháng đối với số tiền 57.690.000đ. Chị đã trả lãi cho anh L được 05 tháng, mỗi tháng 3.500.000đ, bằng số tiền 17.500.000đ. Khi trả lãi không làm giấy tờ gì , chỉ nói miệng với nhau. Nay chị đồng ý giao trả cho anh L số tiền 57.690.000đ và yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền anh C đã vay của anh L thì chị không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa hực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hiệu Hoàng L đối với anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T.

Buộc anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T giao trả số tiền 67.877.345đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm nộp. Anh Hiệu Hoàng L không phải nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Long Điền, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Huỳnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh L, yêu cầu anh C, chị T giao trả tổng số tiền vốn vay 67.690.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh C thừa nhận có nhận vay của anh L số tiền 10.000.000đ. Chị T xác định có nợ của anh L số tiền 57.690.000đ. Mặc dù chị T cho rằng đây là số tiền nợ anh L từ iệc mua số đề nhưng chị T không chứng minh được lời trình bày của chị là có căn cứ. Mặt khác, anh L cung cấp được biên nhận nợ đề ngày 20/6/2017 có chữ ký nhận nợ của chị T, thể hiện chị T nợ số tiền vay 57.690.000đ. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh L.

Anh L, anh C và chị T thống nhất tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Nên mức lãi suất cần được điều chỉnh lại.

Số tiền 10.000.000đ (từ ngày 30/01/2017 đến ngày 10/4/2018 âm lịch nhằm ngày 26/2/2017 – 24/5/2018 dương lịch) là 14 tháng 28 ngày x 0.83% = 1.239.466đ.

Số tiền 57.690.000đ (từ 20/6/2017 đến ngày 10/4/2018 âm lịch, nhằm ngày 13/7/2017 – 24/5/2018 dương lịch) là 10 tháng 10 ngày x 0.83% = 4.947.800đ.

Anh C xác định có trả lãi cho anh L số tiền 12.000.000đ, nhưng anh L không thừa nhận, anh L chỉ thừa nhận số tiền 6.000.000đ. Đồng thời anh C không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của anh nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy cần chấp nhận theo sự thừa nhận của anh L.

Đối với số tiền lãi chị T xác định đã trả cho anh L số tiền 17.500.000đ, nhưng anh L không thừa nhận, chị T không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Số tiền anh C, chị T phải trả cho anh L là: 10.000.000đ + 57.690.000đ + 1.239.466 + 4.947.800đ – 6.000.000đ = 67.877.345đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm nộp số tiền: 67.877.345 x 5% = 3.393.800đ. Anh Hiệu Hoàng L không phải nộp án phí, anh L đã nộp số tiền 3.204.700đ theo biên lai thu số 0011057 ngày 02/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H, được hoàn lại đủ.Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hiệu Hoàng L đối với anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T.

2. Buộc anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T giao trả số tiền 67.877.345đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Anh Nguyễn Công C và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm nộp số tiền 3.393.800đ. Anh Hiệu Hoàng L không phải nộp án phí, anh L đã nộp số tiền 3.204.700đ theo biên lai thu số 0011057 ngày 02/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H, được hoàn lại đủ.Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y